

**CÔNG TY CỔ PHẦN GREEN MEALS**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN GREEN MEALS

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GREEN MEALS JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2300992528

**3. Ngày thành lập:** 21/08/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 1 Đường Hữu Nghị, KCN Đô Thị và Dịch Vụ VSip, Xã Phù Chẩn, Thị xã Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0912033468

Fax:

Email:

Website: [www.greenmeals.vn](http://www.greenmeals.vn)

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                          | Mã ngành                                                     |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 1.  | Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn                                                                                                                                                                                              | 1075                                                         |
| 2.  | Dịch vụ ăn uống khác<br>Chi tiết: Cung cấp suất ăn công nghiệp                                                                                                                                                                     | 5629(Chính)                                                  |
| 3.  | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                   | 5610                                                         |
| 4.  | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                                                                            | 5630                                                         |
| 5.  | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                     | 4723                                                         |
| 6.  | Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp                                                                                                                                                                                                      | 0150                                                         |
| 7.  | Hoạt động dịch vụ trồng trọt                                                                                                                                                                                                       | 0161                                                         |
| 8.  | Hoạt động dịch vụ chăn nuôi                                                                                                                                                                                                        | 0162                                                         |
| 9.  | Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch                                                                                                                                                                                                    | 0163                                                         |
| 10. | Nuôi trồng thủy sản nội địa                                                                                                                                                                                                        | 0322                                                         |
| 11. | Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt                                                                                                                                                                                    | 1010                                                         |
| 12. | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản                                                                                                                                                                            | 1020                                                         |
| 13. | Chế biến và bảo quản rau quả                                                                                                                                                                                                       | 1030                                                         |
| 14. | Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột                                                                                                                                                                                      | 1062                                                         |
| 15. | (Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật Đầu tư) | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

Thời gian đăng từ ngày 21/08/2017 đến ngày 20/09/2017

| STT | Tên cổ đông         | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | LÊ THỊ THE          | Khu Ất, Phường Hạp Lĩnh, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam                 | Cổ phần phổ thông | 250.000    | 2.500.000.000         | 50,000    | 125766563                                                                                   |         |
|     |                     |                                                                                      | Tổng số           | 250.000    | 2.500.000.000         | 50,000    |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN THÀNH TRƯỞNG | Thôn Nhang, Phường Xuân Đình, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam           | Cổ phần phổ thông | 125.000    | 1.250.000.000         | 25,000    | 011811670                                                                                   |         |
|     |                     |                                                                                      | Tổng số           | 125.000    | 1.250.000.000         | 25,000    |                                                                                             |         |
| 3   | ĐOÀN XUÂN BÌNH      | Tổ dân phố số 15, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam      | Cổ phần phổ thông | 125.000    | 1.250.000.000         | 25,000    | 183084926                                                                                   |         |
|     |                     |                                                                                      | Tổng số           | 125.000    | 1.250.000.000         | 25,000    |                                                                                             |         |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: ĐOÀN XUÂN BÌNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 08/08/1976

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 183084926

Ngày cấp: 02/08/2005

Nơi cấp: Công an tỉnh Hà Tĩnh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố số 15, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Tổ dân phố số 15, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Thời gian đăng từ ngày 21/08/2017 đến ngày 20/09/2017

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh